

hi/ users

X

customers

DB

users

id

name

email

password.

role_id

roles.

id

name

id

name

admin

customer

password → mã hash
php password-hash() → m1c.

laravel Hash::make() → m1c.

123456 → x — —
password-verify() | Auth::attempt.

Auth::attempt() → User

login → Customer.

Authorization.



phân quyền.

Composer.

1, tạo ra file autoload.php.

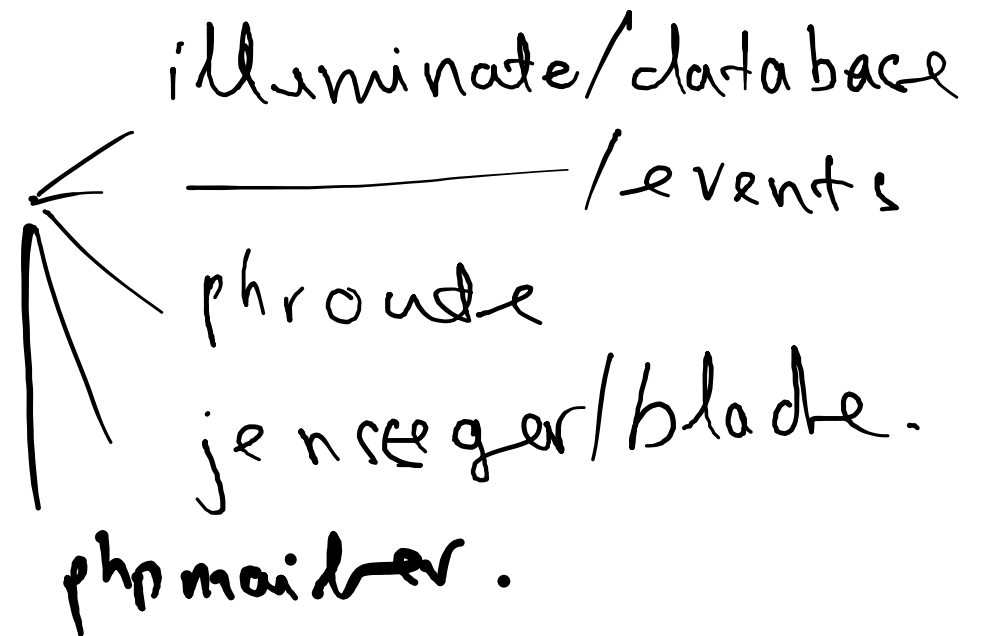
- tự động require các file class trong project

(tuân thủ theo config)

- Áp dụng namespace trong project.

2, Quản lý các thư viện trong php
(cài thêm thư viện của bên thứ 3

code ↓



Autoload composer.

blade templating

Views — a.php.

blade — a.blade.php

thay đổi cú pháp code ở tầng view (cần va

code html) tiện dụng hơn
đơn giản hơn
hiệu quả hơn

↓ tốc độ

views index.blade.php

direct code → cubexyz.php → hthi chong dung
.php

index.blade.php

{{ \$name }}

@for (

@endfor .

echo htmlspecialchars(trim
<?php for (): ')

<?php endfor ?)

} \$data{

"<p>xxx</p>"

{! \$data!!}

(=> echo e (\$data)

encode html special character.

<p>xxx</p>

=> this.

class Model extends Eloquent\Model

protected \$table = ''; class đại diện table
nào trong db.

public \$timestamps = false;

tất cả các table cần có 2 cột < updated_at
created_at

⇒ insert/update tự động insert data cho 2 cột
trên. / trong hệ hợp table mà bạn có 2 cột trên

⇒ cần phải config \$timestamps = false

Sử dụng các class để extends eloquent.

(ví dụ) Model::API()

các hàm.

::all() → [] toàn bộ data trong table.

::find(\$id) ⇒ { object nếu có id trùng vs
ghi \$id truyền vào.
null

:: where (tên cột, phép so sánh, qtrị)

→ get() lấy toàn bộ data khớp đk

→ first() lấy ra bản ghi đầu tiên khớp, đk.

Employee::where('join_date', '2021-01-01')

→ get()

⇒ select * from employees where
join_date = '2021-01-01'

Employee::where('salary', '>', '3000') → get();

$\mathcal{K}_1 \perp \mathcal{K}_2 \text{ ?}$

Model :: where (\mathcal{K}_1)
→ where (\mathcal{K}_2)
→ get();

$\mathcal{K}_1 \parallel \mathcal{K}_2$.

Model :: where (\mathcal{K}_1)
→ or where (\mathcal{K}_2)

$(\mathcal{A}k_1 \wedge \mathcal{A}k_2) \parallel \mathcal{A}k_3$

Model :: where (function (\$query)) {

\$query → where (\$k1)

→ where (\$k2);

) → or where (\$k3) → get();

Sắp xếp orderBy.

asc Model::orderBy (tên cột) → get()

Model::where() → orderBy() → get();

Model::where() → orderBy (tên cột)
→ orderBy (tên cột)
→ get();

desc orderBy → orderBy Desc().

Save () $\begin{cases} \text{insert} \\ \text{update} \end{cases}$

\$model → delete();

\$model = new Employee();

\$model → name = " ";

\$model → join_data = " ";

- - - -

\$model → save(); // insert

\$model = Employee::find();

- - - -

- - - -

\$model → save();

⇓
update

\$id = 100;

Employee::destroy(\$id)

\$model = Employee::find(\$id)

\$model->delete();